**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH LĨNH VỰC THUẾ**

**THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN**

*(Kèm theo Quyết định số 870/QĐ-UBND Ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)*

**PHẦN I.**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Tên thủ tục hành chính** | **Lĩnh vực** | **Cơ quan thực hiện** | **Trang** |
| 1 | Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải | Phí, lệ phí | Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân phường, thị trấn | **1-4** |

***(Có biểu mẫu 01,02 kèm theo)***

**PHẦN II.**

**NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN**

**I. Thủ tục kê khai, thẩm định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải**

**1. Trình tự thực hiện**

1.1. Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt đối với trường hợp tự khai thác nước để sử dụng

Hàng quý, người nộp phí kê khai phí theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải với Ủy ban nhân dân phường, thị trấn và nộp phí vào tài khoản “Tạm thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt” của Ủy ban nhân dân phường, thị trấn mở tại Kho bạc Nhà nước chậm nhất là ngày 20 tháng đầu tiên của quý tiếp theo.

Tổ chức thu phí thực hiện thẩm định Tờ khai phí, trường hợp không đúng với thực tế thì ra Thông báo nộp bổ sung hoặc điều chỉnh giảm số phí phải nộp vào kỳ nộp phí tiếp theo.

1.2. Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp

a) Đối với cơ sở có tổng lượng nước thải trung bình trong năm tính phí từ 20m3/ngày trở lên:

Hàng quý, chậm nhất là ngày 20 của tháng đầu tiên của quý tiếp theo, người nộp phí kê khai phí theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải với tổ chức thu phí và nộp phí vào tài khoản “Tạm thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp” của tổ chức thu phí mở tại Kho bạc Nhà nước, nộp bổ sung số phí phải nộp theo Thông báo của tổ chức thu phí (nếu có) trong thời hạn 10 ngày kể từ khi có Thông báo.

Tổ chức thu phí thực hiện thẩm định tờ khai phí, trường hợp số phí bảo vệ môi trường phải nộp khác với số phí người nộp phí đã kê khai thì ra Thông báo nộp bổ sung theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải hoặc điều chỉnh giảm số phí phải nộp vào kỳ nộp phí tiếp theo.

b) Đối với cơ sở có tổng lượng nước thải trung bình trong năm tính phí dưới 20m3/ngày:

Người nộp phí kê khai phí một lần với tổ chức thu phí khi mới bắt đầu hoạt động theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, thời gian khai chậm nhất là ngày 20 tháng liền sau tháng bắt đầu hoạt động.

Nộp phí một lần cho cả năm theo Thông báo của tổ chức thu phí, thời hạn nộp phí chậm nhất là ngày 31 tháng 3 hàng năm. Trường hợp cơ sở bắt đầu hoạt động sau ngày 31 tháng 3 hàng năm thực hiện nộp phí theo Thông báo của tổ chức thu phí trong thời hạn 10 ngày kể từ khi có Thông báo.

Tổ chức thu phí thực hiện thẩm định tờ khai phí, trường hợp số phí bảo vệ môi trường phải nộp khác với số phí người nộp phí đã kê khai thì ra Thông báo nộp bổ sung theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải hoặc điều chỉnh giảm số phí phải nộp vào kỳ nộp phí tiếp theo.

c) Đối với các cơ sở sản xuất, chế biến thuộc trách nhiệm quản lý trực tiếp của Bộ Công an và Bộ Quốc phòng (trường hợp thuộc bí mật quốc phòng, an ninh): Hàng quý, chậm nhất là ngày 20 tháng đầu tiên của quý tiếp theo, người nộp phí kê khai phí (theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải) nộp cho Bộ Công an và Bộ Quốc phòng. Bộ Công an và Bộ Quốc phòng thẩm định Tờ khai phí bảo vệ môi trường và Thông báo với Sở Tài nguyên và Môi trường nơi cơ sở hoạt động theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày nhận được Tờ khai phí.

**2. Cách thức thực hiện**

Nộp trực tiếp tại Sở Tài nguyên và Môi trường; Phòng Tài nguyên và Môi trường; Ủy ban nhân dân phường, thị trấn; Bộ Công an và Bộ Quốc phòng.

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ**

3.1. Thành phần hồ sơ:

- Đối với nước thải sinh hoạt: Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

- Đối với nước thải công nghiệp: Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**4. Thời gian giải quyết**

4.1. Tại Ủy ban nhân dân phường, thị trấn: Không quy định thời gian giải quyết.

4.2. Tại Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận Tờ khai phí.

4.3. Tại Bộ Công an, Bộ Quốc phòng: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ khai phí của người nộp phí.

**5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức và cá nhân.

**6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Sở Tài nguyên và Môi trường; Phòng Tài nguyên và Môi trường; Ủy ban nhân dân phường, thị trấn; Bộ Công an và Bộ Quốc phòng.

**7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Thông báo nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải hoặc điều chỉnh giảm số phí phải nộp vào kỳ nộp phí tiếp theo (nếu có).

**8. Phí, lệ phí:** Không.

**9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai**

- Tờ khai nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải (biểu mẫu kèm theo).

- Tờ khai nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải (biểu mẫu kèm theo).

**10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

**MẪU SỐ 01**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN ĐƠN VỊ --------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |

**TỜ KHAI NỘP PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI SINH HOẠT**

Quý …… Năm …….

Kính gửi: ………………….. (tên cơ quan thu phí) ……….

Tên đơn vị nộp phí: ………………………………

Địa chỉ: ………………………………………

Điện thoại: …………………….. Fax: …………………. Email: ……

Tài khoản số: ………………….. Tại ngân hàng: …………….

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Chỉ tiêu** |  |
| 1 | Số lượng nước sạch tự khai thác để sử dụng trong quý | ...m3 |
| 2 | Giá bán nước sạch cho đối tượng sản xuất, kinh doanh dịch vụ tại địa phương | đồng/m3 |
| 3 | Mức phí áp dụng tại địa phương | ...% |
| 4 | Số tiền phí phải nộp trong quý (=1 x 2 x 3) | ... |

Số tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt phải nộp ngân sách nhà nước (viết bằng chữ): ……………………………………………………………………………………….

Tôi xin cam đoan số liệu kê khai trên đây là đầy đủ và chính xác./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *………., ngày ... tháng ... năm ..…...* **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** *(Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

**MẪU SỐ 02**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN ĐƠN VỊ --------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |

**TỜ KHAI NỘP PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP**

Quý ……….. Năm ……………

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường ……………………

**I. THÔNG TIN CHUNG**

Tên người nộp phí: ………………………………….

Địa chỉ: ……………………………………………

MST:

Điện thoại: ………………….. Fax: ………… Email: …………………

Tài khoản số: ………………………… Tại ngân hàng: ……………………

Lĩnh vực sản xuất, chế biến: …………………………………

Lượng nước sử dụng trung bình hàng ngày (m3): …………………………

Phương pháp xử lý nước thải: ……………………………

Lượng nước thải trung bình trong năm tính phí (m3/ngày): ……………………………………..

**II. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG TRONG QUÝ TÍNH PHÍ**

1. Số phí cố định phải nộp kỳ này: f = ……………………….. đồng

2. Số phí biến đổi phải nộp trong quý:

a) Tổng lượng nước thải trong quý (m3): ……………………………

Căn cứ để kê khai tổng lượng nước thải trong quý: ………………………

b) Hàm lượng thông số ô nhiễm trong nước thải tính phí:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thông số ô nhiễm** | **Hàm lượng (mg/l)** | **Căn cứ để kê khai hàm lượng thông số ô nhiễm (Ghi rõ tên đơn vị phân tích, thời gian phân tích)** |
|  |  |  |
|  |  |  |

c) Số phí biến đổi phải nộp trong quý: Cq = …………………………. đồng

3. Số phí phải nộp vào ngân sách nhà nước:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Chỉ tiêu** | **Số tiền (đồng)** |
| 1 | Số phí phát sinh quý này Fq = (f/4) + Cq |  |
| 2 | Số phí từ quý trước chưa nộp hoặc nộp thiếu (nếu có) |  |
| 3 | Số phí nộp thừa từ quý trước (nếu có) |  |
| 4 | Số phí phải nộp vào ngân sách nhà nước (1 + 2 - 3) |  |

**III. SỐ TIỀN PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI PHẢI NỘP VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC KỲ NÀY LÀ ……………………**(viết bằng chữ) …………..

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên đây là đúng với thực tế hoạt động của đơn vị./.

|  |  |
| --- | --- |
| **Sở Tài nguyên và Môi trường nhận Tờ khai ngày**………………… *(Người nhận ký và ghi rõ họ tên)* | *………., ngày .... tháng.... năm …….* **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ KHAI, NỘP PHÍ** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |